

ĐỀ 1 - THI NGOẠI LẦN 1

Y2- YHDP 2- RHM 2 (NH 2015-2016) NGÀY 18/06/2016 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

Câu 1. Các yếu tố nào sau đây giúp cơ thể chống lại nhiễm trùng, chọn câu SAI:

- ☒ a. Giảm axit dạ dày
- b. Van hồi manh tràng đóng kín
- c. Có nhu động ruột
- d. Lượng nước tiểu 1000ml/12h
- e. Lông mao đường hô hấp

Câu 2. Yếu tố tại chỗ có vai trò giúp cơ thể chống nhiễm trùng, chọn câu SAI:

- a. Niêm mạc ruột
- b. Chất nhầy đường ống tiêu hóa
- c. Nước mắt
- d. Nhung mao đường hô hấp
- ☒ e. Bạch cầu đa nhân

Câu 3. Nhiễm trùng nào sau đây KHÔNG phải là nhiễm trùng mô mềm :

- a. Áp xe nóng
- b. Áp xe lạnh
- ☒ c. Viêm phúc mạc ruột thừa
- d. Hoại thư sinh hơi
- e. Viêm bạch mạch

Câu 4. Tác nhân vi sinh vật gây áp xe nóng, chọn câu SAI:

- a. Staphylococcus aureus
- b. Staphylococcus epidermidis
- c. Streptococcus pyogenes
- d. Escherichia coli
- ☒ e. Entamoeba histolytica

Câu 5. Người bệnh bị hoại tử mô mềm do nhiễm khuẩn, chọn phát biểu SAI :

- ☒ a. Ít khi có biểu hiện rõ ràng, đầy đủ triệu chứng
- b. Biểu hiện đau khu trú dữ dội
- c. Biểu hiện mất cảm giác
- ☒ d. Chỗ nhiễm khuẩn nhanh chóng khu trú
- e. Chỗ nhiễm khuẩn chứa dịch như máu, khí



Câu 6. Trong thực hành rửa tay để phòng chống nhiễm khuẩn, cần :

- a. Rửa tay trước khi thăm khám bệnh nhân
- b. Rửa tay ở 4 thời điểm
- c. Rửa tay ở 3 thời điểm
- ☒ d. Rửa tay ở 5 thời điểm
- e. Rửa tay ở 6 thời điểm

Câu 7. Nhọt da có thể gây ra biến chứng sau, chọn câu SAI:

- a. Hoại thư
- ☒ b. Áp xe lạnh
- c. Nhiễm trùng huyết

Cách chọn: chọn A→

<input checked="" type="radio"/>	A	B	C	D	E
<input checked="" type="radio"/>	B	C	D	E	

Bỏ A, chọn D→

(KHÔNG ĐƯỢC chọn lại câu đã bỏ)

ĐỀ 1 - THI NGOẠI LẦN 1

Y2- YHDP 2- RHM 2 (NH 2015-2016) NGÀY 18/06/2016 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

- d. Viêm bạch mạch
- e. Viêm tắc tĩnh mạch

Câu 8. Dụng cụ nào sau đây được xếp vào nhóm dụng cụ thiết yếu?

- a. Ống nghe
- b. Ống nội soi dạ dày
- c. Mô vịt
- ☒ d. Dụng cụ phẫu thuật
- e. Băng ca

Câu 9. Dụng cụ nào sau đây được xếp vào nhóm dụng cụ không thiết yếu?

- ☒ a. Máy đo huyết áp
- b. Ống nội soi đại tràng
- c. Ống nội soi hô hấp
- d. Kính soi phẫu thuật
- e. Kim tiêm

Câu 10. Găng tay vô khuẩn được sử dụng trong trường hợp nào?

- a. Tiêm chích
- b. Khám bụng
- c. Thay băng
- ☒ d. Phẫu thuật
- e. Vận chuyển bệnh nhân

Câu 11. Quá trình làm sạch sử dụng các biện pháp sau, NGOẠI TRỪ:

- a. Nước
- b. Nhiệt
- ☒ c. Tia cực tím
- d. Hóa chất
- e. Bàn chải

Câu 12. Bộ khăn vải phẫu thuật thường được áp dụng phương pháp nào để tiệt khuẩn?

- a. Hơi nóng khô
- b. Hóa chất
- c. Hơi oxid ethylen
- ☒ d. Hơi nóng ẩm
- e. Tia cực tím

Câu 13. Nguyên nhân gây bỏng thường gặp nhất theo thống kê tại bệnh viện Chợ Rẫy là :

- a. Bỏng do sức nóng ướt
- b. Bỏng do sức nóng khô
- c. Bỏng do a-xít
- d. Bỏng do dung dịch kiềm
- e. Bỏng do hỏa hoạn

Cách chọn: chọn A→

<input checked="" type="checkbox"/>	A	B	C	D	E
<input type="checkbox"/>	B	C	D	E	

Bỏ A, chọn D→

(KHÔNG ĐƯỢC chọn lại câu đã bỏ)

## ĐỀ 1 - THI NGOẠI LẦN 1

Y2- YHDP 2- RHM 2 (NH 2015-2016) NGÀY 18/06/2016 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

Câu 14. Bỏng độ III sâu là tổn thương bỏng lan đến :

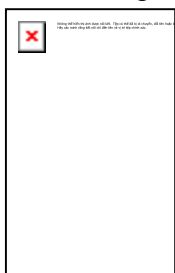
- a. Màng đáy của lớp thượng bì
- b. Bỏng toàn bộ lớp da
- c. Bỏng đến lớp cân dưới da
- d. Bỏng lộ xương
- e. Bỏng gây tổn thương các mạch máu có tên

Câu 15. Nguyên tắc chính trong chẩn đoán nạn nhân bị bỏng là:

- a. Tùy thuộc nguyên nhân gây bỏng để chẩn đoán để từ đó có hướng điều trị thích hợp
- b. Chẩn đoán độ sâu, diện tích bỏng và các thương tổn đi kèm
- c. Quan sát vết bỏng để chẩn đoán độ sâu, dùng tay thầy thuốc để tính diện tích vết bỏng
- d. Chẩn đoán nguyên nhân bỏng, độ sâu, diện tích bỏng và bỏng những vị trí đặc biệt
- e. Chỉ cần đánh giá nhanh, sau đó sơ cứu vết bỏng bằng nước sạch thì sẽ điều trị tốt bỏng

Câu 16. Theo qui luật số 9, diện tích vết bỏng ở người lớn bị bỏng phần trước của ngực và bụng thì diện tích ước lượng là :

- a. 18%
- b. 27%
- c. 9%
- d. 21%
- e. 19%



Câu 17. Về mặt sinh lý bệnh để giúp định hướng điều trị, người ta chia bỏng thành các thời kỳ như sau, NGOẠI TRỪ:

- a. Giai đoạn sơ cứu
- b. Giai đoạn sớm của sốc bỏng
- c. Giai đoạn nhiễm độc
- d. Giai đoạn rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng
- e. Giai đoạn phục hồi

Câu 18. Nói về giai đoạn biểu bì hóa trong quá trình lành vết thương, CHỌN CÂU ĐÚNG:

- a. Bắt đầu 10 ngày sau tổn thương.
- ☒ b. Đặc trưng bởi sự tăng sinh và di chuyển tế bào thượng bì đến mép vết thương.
- c. Tế bào đáy bắt đầu phân chia ngay từ khi lớp thượng bì chưa dính lại với nhau.
- d. Fibronectin được tổng hợp từ bạch cầu đa nhân trung tính, giúp cho sự liên kết giữa tế bào, sợi collagen.
- e. Quá trình biểu bì hóa hoàn thành sau 48 giờ đối với vết thương hở, lớn

Câu 19. Các yếu tố làm thiếu máu nuôi vết thương, NGOẠI TRỪ:

- a. Co thắt mạch máu
- b. Đường khâu quá chặt
- ☒ c. Thuốc corticoids
- d. Suy giảm thể tích tuần hoàn
- e. Nghẽn tắc mạch máu

Cách chọn: chọn A→

<input checked="" type="radio"/>	A	B	C	D	E
<input checked="" type="radio"/>	B	C	D	E	

Bỏ A, chọn D→

(KHÔNG ĐƯỢC chọn lại câu đã bỏ)

ĐỀ 1 - THI NGOẠI LẦN 1

Y2- YHDP 2- RHM 2 (NH 2015-2016) NGÀY 18/06/2016 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

Câu 20. Đặc trưng của giai đoạn viêm trong quá trình lành vết thương là:

- ☒ a. Tăng tính thấm mạch máu.
- b. Di chuyển tế bào viêm ra khỏi vết thương.
- c. Ức chế sản xuất chất trung gian và các yếu tố tăng trưởng.
- d. Bất hoạt của tế bào viêm tại nơi vết thương.
- e. Bạch cầu đa nhân trung tính đến vết thương sau cùng.

Câu 21. Bệnh nhân phẫu thuật có bệnh nội khoa mãn tính kèm theo có thể gặp những nguy cơ sau, CHỌN CÂU SAI:

- ☒ a. Liệt bàng quang.
- b. Sang chấn ngoại khoa.
- c. Đợt cấp tính trên nền mãn tính của bệnh nội khoa.
- d. Chậm lành hay không lành vết thương, đường khâu.
- e. Biến chứng ngoại khoa cao hơn.

Câu 22. Phẫu thuật trên bệnh nhân AIDS có những nguy cơ sau đây, NGOẠI TRỪ:

- a. Dễ nhiễm trùng sau mổ
- b. Khó lành chỗ khâu nối
- c. Chậm lành vết mổ
- ☒ d. Dễ chảy máu
- e. Có khả năng lây nhiễm chéo

Câu 23. Theo phân độ ASA của hiệp hội gây mê Hoa Kỳ (1963), ASA 5 là:

- a. Bệnh nhân có bệnh toàn thân nặng, nằm liệt giường
- b. Bệnh nhân cần sự giúp đỡ về y tế 24/24 giờ
- c. Bệnh nhân đang sốc nặng không hồi phục
- d. Bệnh nhân có tình trạng rất nặng cần phẫu thuật cấp cứu
- ☒ e. Bệnh nhân có nguy cơ tử vong trong 24 giờ

Câu 24. Trong quá trình đông máu, Thrombine có vai trò:

- ☒ a. Biến Fibrinogen thành Fibrin
- b. Hoạt hóa đông máu ngoại sinh
- c. Biến Plasminogen thành Plasmin
- d. Hoạt hóa đông máu nội sinh
- e. Tăng huy động tiểu cầu tham gia đông máu

Câu 25. Các nguyên nhân sau gây nên tình trạng tăng tạo huyết khối , NGOẠI TRỪ:

- a. Thiếu yếu tố AT III
- b. Tăng số lượng tiểu cầu
- c. Thiếu protein S
- d. Thiếu protein C
- ☒ e. Thiếu yếu tố VII

Cách chọn: chọn A →

Bỏ A, chọn D →

<input checked="" type="radio"/>	A	B	C	D	E
<input type="radio"/>	B	C	D	E	

(KHÔNG ĐƯỢC chọn lại câu đã bỏ)

ĐỀ 1 - THI NGOẠI LẦN 1

Y2- YHDP 2- RHM 2 (NH 2015-2016) NGÀY 18/06/2016 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

Câu 26. Kết quả XN đông cầm máu nào sau đây phù hợp với bệnh nhân Hemophilia A?

- a. TQ: 11 giây, TCK: 36 giây
- b. TQ: 34 giây, TCK: 32 giây
- c. TQ: 32 giây, TCK: 100 giây
- ☒ d. TQ: 11 giây, TCK: 110 giây
- e. TQ: 10 giây, TCK: 25 giây

Câu 27. Kết quả xét nghiệm đông cầm máu nào sau đây phù hợp với bệnh nhân tắc mạch kéo dài (thiếu vitamin K)?

- a. TQ: 11 giây, TCK: 110 giây
- b. TQ: 36 giây, TCK: 32 giây
- ☒ c. TQ: 32 giây, TCK: 100 giây
- d. TQ: 12 giây, TCK: 34 giây
- e. TQ: 11 giây, TCK: 25 giây

Câu 28. Trong những bất thường liên quan đến rối loạn đông cầm máu, bất thường nào sau đây không thể phát hiện bằng những xét nghiệm đông cầm máu cơ bản :

- a. Bệnh nhân bị Hemophilia
- b. Bệnh nhân bị xuất huyết giảm tiểu cầu
- ☒ c. Bệnh nhân đang dùng thuốc kháng kết tập tiểu cầu
- d. Bệnh nhân đang dùng thuốc kháng vitamin K
- e. Bệnh nhân bị suy gan hoặc xơ gan

Câu 29. Đối với trường hợp sốc sau một chấn thương, nguyên nhân thường gặp nhất là:

- a. Sốc tim
- b. Sốc thần kinh
- c. Sốc do tái phân bố
- ☒ d. Sốc mất máu
- e. Sốc nhiễm trùng

Câu 30. Bệnh nhân bị mất từ 15% đến 30% thể tích máu là mất máu độ mấy:

- a. Độ I
- ☒ b. Độ II
- c. Độ III
- d. Độ IV
- e. Độ V

Câu 31. Trong sốc chấn thương, đáp ứng đầu tiên về nội tiết và biến dưỡng đối với tình trạng giảm thể tích là:

- ☒ a. Tăng giải phóng catecholamine
- b. Giảm giải phóng insulin
- c. Giảm tiết hormon chống lợi niệu
- d. Giảm tiết angiotensin
- e. Tăng ly giải protein

Cách chọn: chọn A →

<input checked="" type="radio"/>	A	B	C	D	E
<input type="radio"/>	B	C	D	E	

Bỏ A, chọn D →

(KHÔNG ĐƯỢC chọn lại câu đã bỏ)

ĐỀ 1 - THI NGOẠI LẦN 1

Y2- YHDP 2- RHM 2 (NH 2015-2016) NGÀY 18/06/2016 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

Câu 32. Một bệnh nhân được đưa vào bệnh viện trong tình trạng lơ mơ, huyết áp không đo được. Người đưa bệnh nhân vào bệnh viện khai cách đó 30ph bệnh nhân bị quệt xe, té đập ngực và bụng xuống đường. Trên ngực và bụng bệnh nhân có nhiều vết xây xước.

Khả năng bệnh nhân này có thể bị sốc do những nguyên nhân bên dưới, NGOẠI TRỪ:

- a. Sốc mất máu do vỡ lách
- b. Sốc mất máu do vỡ gan
- ☒ c. Sốc nhiễm trùng do vỡ ruột
- d. Sốc tim do chấn thương tim
- e. Sốc mất máu do tràn máu màng phổi

Câu 33. Nói về đau bụng cấp, câu nào sau đây là SAI:

- a. Diễn tiến < 7 ngày
- ☒ b. Cần can thiệp ngoại khoa khẩn
- c. Thường gặp ở khoa cấp cứu
- d. Nguyên nhân có thể từ ngoài ổ bụng
- e. Diễn tiến thường nhanh

Câu 34. Một trường hợp đau bụng cấp khởi phát đau đột ngột cần nghĩ ngay đến những bệnh sau, NGOẠI TRỪ:

- ☒ a. Viêm ruột thừa cấp
- b. Tắc mạch mạc treo ruột
- c. Xoắn ruột
- d. Vỡ phình động mạch chủ bụng
- e. Thủng tạng rỗng

Câu 35. Đau bụng cấp ở vùng trên rốn, thương tổn cơ quan nào ÍT NGHĨ nhất:

- a. Dạ dày
- ☒ b. Thận
- c. Ruột thừa
- d. Tụy
- e. Đường mật

Câu 36. Nói về đau kiểu tạng, câu nào sau đây là ĐÚNG:

- a. Xuất hiện muộn hơn đau kiểu thành
- b. Cơn đau kéo dài
- c. Bệnh nhân không dám xoay trở
- ☒ d. Thường đau ở đường giữa
- e. Khu trú và rõ ràng

Câu 37. Dấu hiệu nào sau đây gặp trong viêm ruột thừa cấp:

- a. Cullen's sign
- b. Murphy's sign
- ☒ c. Rovsing's sign
- d. Kehr's sign
- e. Blumberg's sign

Cách chọn: chọn A→

<input checked="" type="radio"/>	A	B	C	D	E
<input type="radio"/>	B	C	D	E	

Bỏ A, chọn D→

(KHÔNG ĐƯỢC chọn lại câu đã bỏ)

ĐỀ 1 - THI NGOẠI LẦN 1

Y2- YHDP 2- RHM 2 (NH 2015-2016) NGÀY 18/06/2016 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

Câu 38. Một bệnh nhân nam, 70t, đau thượng vị đột ngột trong vòng 30ph rồi ngất  
Tình trạng lúc NV (sau lúc khởi phát đau 30ph): HA 80/60mmHg, M 100l/ph (không đều),  
tiếp xúc chậm. Đau bụng thượng vị có giảm.

Nguyên nhân nào cần phải nghĩ ngay khi tiếp cận bệnh nhân này?

- a. Viêm ruột thừa cấp
- b. Áp xe gan
- c. Viêm túi mật cấp
- d. Thủng dạ dày
- ☒ e. Nhồi máu cơ tim cấp

Câu 39. Tính chất nào sau đây KHÔNG PHÙ HỢP với đau bụng do áp xe ruột thừa:

- ☒ a. Đau quặn cơn hồ chậu phải
- b. Đau tăng dần theo thời gian
- c. Đau kèm sốt cao lạnh run
- d. Ấn vào vùng hố chậu phải đau nhiều
- e. Có thể sờ thấy một khối ở hố chậu phải

Câu 40. Trên lâm sàng, cần phân biệt hội chứng vàng da với những trường hợp sau đây, NGOẠI TRỪ:

- a. Tiểu màu vàng sậm do cô đặc nước tiểu
- ☒ b. Đi tiêu phân vàng sậm do tăng Stercobilin
- c. Vàng kết mạc mắt do hút thuốc lá nhiều
- d. Vàng da mà không vàng niêm do tăng Caroten
- e. Tiểu màu vàng sậm do thuốc

Câu 41. Nguyên nhân nào sau đây được xếp vào nhóm vàng da sau gan:

- a. Viêm gan cấp
- b. Xơ gan
- c. Áp xe gan do vi trùng
- ☒ d. Ung thư quanh bóng Vater
- e. Ung thư tế bào gan nguyên phát

Câu 42. Trong các bước tiếp cận một bệnh nhân đến khám vì thấy da mình vàng hơn mọi khi, câu hỏi đầu tiên cần phải trả lời là:

- a. Bệnh nhân có bị bệnh gan mạn tính hay không?
- b. Bệnh nhân thuộc chủng tộc da vàng hay da trắng?
- c. Vàng da trước gan, tại gan hay sau gan?
- d. Vàng da này do nguyên nhân là gì?
- ☒ e. Có thật sự là hội chứng vàng da hay không?

Câu 43. Trong 3 nhóm nguyên nhân vàng da, nhóm vàng da trước gan thường có thể chẩn đoán hay loại trừ trước tiên dựa vào những dữ kiện sau, NGOẠI TRỪ:

- a. Vàng da thường nhạt, tăng chậm
- b. Vàng trên nền xanh của thiếu máu
- ☒ c. Đi tiêu phân bạc màu
- d. Tiền căn bệnh huyết học của bản thân/ gia đình

Cách chọn: chọn A→

<input checked="" type="radio"/>	A	B	C	D	E
<input type="radio"/>	B	C	D	E	

Bỏ A, chọn D→

(KHÔNG ĐƯỢC chọn lại câu đã bỏ)

ĐỀ 1 - THI NGOẠI LẦN 1

Y2- YHDP 2- RHM 2 (NH 2015-2016) NGÀY 18/06/2016 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

e. Gan, lách, hạch có thể to

Câu 44. Một bệnh nhân nữ 40 tuổi nhập viện được chẩn đoán: viêm đường mật do sỏi ống mật chủ. Bệnh nhân này có triệu chứng đau bụng vùng trên rốn 3 ngày, sốt tăng dần, nước tiểu vàng sậm. Nước tiểu của bệnh nhân này vàng sậm là do:

- a. Cô đặc nước tiểu
- b. Tăng Urobilinogen
- c. Tăng Stercobilin
- d. Tăng Bilirubin gián tiếp
- ☒ e. Tăng Bilirubin trực tiếp

Câu 45. Trong các kết quả XN dưới đây, trường hợp nào được xem là tăng Bilirubin hỗn hợp:

- a. Bilirubin TT: 3mg %, Bilirubin GT: 2mg%
- b. Bilirubin TT: 2.5mg %, Bilirubin GT: 2.5mg%
- c. Bilirubin TT: 0.4mg %, Bilirubin GT: 0.6mg%
- d. Bilirubin TT: 2mg %, Bilirubin GT: 9mg%
- ☒ e. Bilirubin TT: 3mg %, Bilirubin GT: 6mg%

Câu 46. Một bệnh nhân nam, 70 tuổi, nhập viện vì vàng da

Bệnh sử: vàng da vàng mắt tăng dần trong 3 tháng, đi cầu phân vàng nhạt, sụt cân, không đau bụng

Khám: thể trạng suy kiệt, da niêm vàng sậm, sờ được túi mật to, không sờ thấy u

Chẩn đoán lâm sàng nghĩ đến nhiều nhất trên bệnh nhân này là:

- a. Xơ gan
- b. Ung thư túi mật
- c. Sỏi ống mật chủ
- ☒ d. U quanh bóng Vater
- e. Ung thư dạ dày di căn gan

Câu 47. Nói về triệu chứng toàn thân của hội chứng chảy máu trong, câu nào sau đây là SAI:

- a. Da xanh niêm nhạt
- b. Tứ chi lạnh
- c. Thay đổi tri giác
- ☒ d. Mạch chậm, rõ
- e. Huyết áp tụt

Câu 48. Nói về dấu hiệu ở bụng có thể gặp khi thăm khám trong trường hợp xuất huyết nội do vỡ lách, câu nào sau đây là SAI:

- a. Bụng chướng
- b. Nhu động ruột giảm
- c. Gõ đục
- d. Phản ứng thành bụng
- ☒ e. Bụng gồng cứng

Cách chọn: chọn A →

<input checked="" type="radio"/>	A	B	C	D	E
<input type="radio"/>	B	C	D	E	

Bỏ A, chọn D →

(KHÔNG ĐƯỢC chọn lại câu đã bỏ)



ĐỀ 1 - THI NGOẠI LẦN 1

Y2- YHDP 2- RHM 2 (NH 2015-2016) NGÀY 18/06/2016 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

Câu 49. Phương tiện chẩn đoán hình ảnh thường được sử dụng đầu tiên trong chẩn đoán chảy máu trong ổ bụng là:

- a. Chụp cắt lớp vi tính
- ☒ b. Siêu âm bụng
- c. Chụp cộng hưởng từ
- d. Xquang bụng đứng
- e. Nội soi dạ dày

Câu 50. Những nguyên nhân sau có thể gây chảy máu trong ổ bụng, NGOẠI TRỪ:

- a. Vỡ gan
- b. Vỡ lách
- c. Thai ngoài tử cung vỡ
- d. Nang buồng trứng xuất huyết
- ☒ e. Viêm ruột thừa sung huyết

Câu 51. Nói về hướng xử trí chảy máu trong ổ bụng, câu nào sau đây là SAI:

- ☒ a. Mọi trường hợp xuất huyết nội đều phải mổ khẩn để cầm máu
- b. Phục hồi lại khối lượng máu mất bằng truyền máu và các loại dịch thay thế.
- c. Đánh giá dấu hiệu sinh tồn sớm và thường xuyên
- d. Theo dõi nước tiểu liên tục qua ống thông tiểu
- e. Đánh giá toàn thân để phát hiện tổn thương kết hợp

Câu 52. Một bệnh nhân sau tai nạn giao thông được đưa vào bệnh viện cấp cứu. Khám bụng ghi nhận triệu chứng ấn đau, kèm gõ đục khắp bụng. Dữ kiện nào sau đây cho phép khẳng định chắc chắn có máu trong ổ bụng của bệnh nhân:

- a. Siêu âm có dịch ổ bụng
- b. Ấn bụng đề kháng rõ
- c. Thăm trực tràng có máu theo găng
- d. Nước tiểu có máu đỏ
- ☒ e. Chọc dò ổ bụng ra máu không đông

Câu 53. Một bệnh nhân sau tai nạn giao thông bị vỡ lách, gây chảy máu trong ổ bụng. Khi vào viện, huyết áp bệnh nhân đo được 70/50mmHg, mạch 110 lần/ phút.

Nhiều khả năng cơ chế sốc của bệnh nhân này là gì?

- a. Sốc giảm cung lượng tim
- ☒ b. Sốc giảm thể tích
- c. Sốc do tái phân bố
- d. Sốc thần kinh
- e. Sốc nhiễm trùng

Câu 54. Nguyên nhân gây viêm phúc mạc thứ phát trong ổ bụng thường gặp do:

- a. Nhiễm trùng huyết
- b. Viêm hạch bạch huyết cấp
- c. Viêm nội tâm mạc bán cấp
- ☒ d. Nhiễm trùng trong ổ bụng
- e. Suy giảm miễn dịch

Cách chọn: chọn A →

<input checked="" type="checkbox"/>	A	B	C	D	E
<input type="checkbox"/>	B	C	D	E	

Bỏ A, chọn D →

(KHÔNG ĐƯỢC chọn lại câu đã bỏ)

ĐỀ 1 - THI NGOẠI LẦN 1

Y2- YHDP 2- RHM 2 (NH 2015-2016) NGÀY 18/06/2016 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

Câu 55. Nói về giải phẫu của lá phúc mạc trong ổ bụng, câu nào sau đây là **SAI**

- ☒ a. Cấu tạo bởi nhiều lớp tế bào trung mô có nhiều vi lông mao
- b. Mạc treo, mạc chằng và mạc nối là các nếp phúc mạc của phúc mạc
- c. Diện tích khoảng từ 1.8 đến 2.2 mét vuông
- d. Lá thành che phủ mặt trong thành bụng, lá tạng bao bọc các tạng trong ổ bụng
- e. Là một màng trơn láng, bọc lót mặt trong thành bụng

Câu 56. Triệu chứng cơ năng biểu hiện sớm và thường gặp nhất trong viêm phúc mạc

- a. Nôn ói
- b. Sốt
- c. Bí trung và đại tiện
- ☒ d. Đau bụng
- e. Bụng chướng

Câu 57. Trong các trường hợp viêm phúc mạc bên dưới, trường hợp nào không cần can thiệp phẫu thuật:

- a. Viêm phúc mạc do viêm ruột thừa hoại tử
- b. Viêm phúc mạc do áp xe gan vỡ
- c. Viêm phúc mạc do thủng ổ loét dạ dày
- ☒ d. Viêm phúc mạc do nhiễm trùng dịch báng xơ gan
- e. Viêm phúc mạc do thủng u đại tràng

Câu 58. Nói về hội chứng viêm phúc mạc trong chấn thương bụng, triệu chứng nào **KHÔNG ĐÚNG**:

- a. Sốt
- b. Bụng chướng
- c. Ấn bụng đau và đề kháng
- d. Môi khô lưỡi dơ
- ☒ e. Nhu động ruột tăng

Câu 59. Nói về viêm phúc mạc nguyên phát và viêm phúc mạc thứ phát, điều nào sau đây là **ĐÚNG**:

- a. Tiên lượng VPM nguyên phát xấu hơn VPM thứ phát
- b. Phẫu thuật VPM nguyên phát khó hơn VPM thứ phát
- c. Tuổi bệnh nhân bị VPM nguyên phát lớn hơn VPM thứ phát
- d. VPM nguyên phát tức là chỉ có một ổ nhiễm trùng duy nhất
- ☒ e. Chẩn đoán VPM nguyên phát thường là chẩn đoán loại trừ

Câu 60. Ngoại khoa khác với nội khoa ở đặc điểm sau:

- a. Bệnh nhân được điều trị ngoại trú
- ☒ b. Thầy thuốc phải bộc lộ các thương tổn ra ngoài để xử lý
- c. Điều trị các bệnh liên quan đến những bộ phận bên ngoài cơ thể
- d. Chỉ dùng các dụng cụ, phương tiện phẫu thuật, không cần thuốc men
- e. Tất cả các bệnh điều trị ngoại khoa thì không cần dùng nội khoa hỗ trợ

Cách chọn: chọn A →

<input checked="" type="radio"/>	A	B	C	D	E
<input type="radio"/>	B	C	D	E	

Bỏ A, chọn D →

(KHÔNG ĐƯỢC chọn lại câu đã bỏ)